

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2019

Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đoàn Thị Kiều Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Anh và ông Nguyễn Văn Trung

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hồ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vinh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự, thụ lý số: 111/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Trần Văn T, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An.

*(có mặt).*

- ***Bị đơn:*** Chị Chu Thị T1, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHTT: Xóm T, xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm 3, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An.

*(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Chu Thị T1 đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/10/2012 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An. Việc anh kết hôn với chị T1 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau bình thường nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong lời ăn tiếng nói, dẫn đến thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuối năm 2018 chị T1 bỏ đi. Vợ

chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay cắt đứt mọi quan hệ. Nay anh xét thấy mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nên anh yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chu Thị T1.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Nguyên P, sinh ngày 02/6/2013 và Trần Nguyên Q, sinh ngày 08/01/2016. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung. Không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/6/2019 bị đơn chị Chu Thị T1 trình bày:

- Về tình cảm: Chị thống nhất với anh T về điều kiện đăng ký kết hôn. Việc chị kết hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau bình thường. Sau một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân cuối năm 2018 cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Anh T làm đơn ly hôn, chị đồng ý ly hôn và yêu cầu không tiến hành hòa giải.

- Về nuôi con chung : Vợ chồng có 02 con chung Trần Nguyên P, sinh ngày 02/6/2013 và Trần Nguyên Q, sinh ngày 08/01/2016. Nếu ly hôn chị T1 có nguyện vọng giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Chu Thị T1 .

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Tòa án áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình. Về tình cảm: giải quyết cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Chu Thị T1; về nuôi con chung: Giao 02 con chung Trần Nguyên P, sinh ngày 02/6/2013 và Trần Nguyên Q, sinh ngày 08/01/2016 cho anh Trần Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T1; Về tài sản: không yêu cầu

giải quyết nên không xem xét; Anh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Chu Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Chu Thị T1.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Chu Thị T1 kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2012 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Sau ngày cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên cuối năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Chu Thị T1.

[3]. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị T1 có 02 con chung là Trần Nguyên P, sinh ngày 02/6/2013 và Trần Nguyên Q, sinh ngày 08/01/2016.

Tại phiên tòa hôm nay anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T1. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T1 cũng có nguyện vọng được giao con cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Xét hiện nay 02 cháu đang ở với anh T, cháu được chăm sóc, ăn học, điều kiện học tập tốt. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T và chị T1. Giao 02 con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về mức cấp dưỡng nuôi con anh T và chị T1 đều có nguyện vọng tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T1 nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 điều 35; điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 1, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Chu Thị T1.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung Trần Nguyên P, sinh ngày 02/6/2013 và Trần Nguyên Q, sinh ngày 08/01/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Chu Thị T1.

Chị T1 có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T1 trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con (chị T1) lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con (anh T) có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, án phí của anh T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số 0004672 ngày 11/6/2019.

[5] Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Chu Thị T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- UBND xã H
- Lưu HS, lưu VP.

*(đã ký)*

**Đoàn Thị Kiều Hương**